TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN UH-TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 4năm 2018
(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân; Ông Nguyễn Hạ Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tưởng Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Khuyến -Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UHxét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số:42/2018/TLST- HNGĐ ngày09tháng3năm 2018về Tranh chấp Hôn nhân và gia đìnhtheo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày26 tháng3năm 2018 giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:***Chị **Đặng Thị T**- sinh năm 1977

****Bịđơn:***Anh**Nguyễn Dụng H**- sinh năm 1972

Đều có nguyên quán và nơi ĐKHKTT: Xóm 2, thôn DD, xã TDV, huyện UH,Thành phốHà Nội.

(Chị T và anh H đều xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai, chị Đặng Thị T là nguyên đơn trình bày:Chị và anh Nguyễn Dụng H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TDVvào năm 1995. Hai vợ chồng chung sống với nhau được mấy năm đầu hạnh phuc. Khi đó chị là giáo viên mầm non ở thôn, còn anh H lao động tự do. Anh H là một người nghiện rượu, mỗi lần uống rượu vào đều không làm chủ được bản thân và đánh chửi vợ con, có lần anh H còn cầm dao đuổi chém chị. Năm 2003

chị có mở quán Karaoke ngay trên khu đất nhà ở của hai vợ chồng, mục đích để anh H ở nhà quản lý, kinh doanh có thêm thu nhập, nhưng sẵn rượu bia ở quán anh H tụ tập bạn bè đến uống thường xuyênrồi rượu say không kiểm soát được bản thân còn đi vệ sinh ngay tại chỗ nằm say rượu. Chị cứ nhẫn nhịn như vậy cho đến năm 2006, khi đó chị thi đỗ vào biên chế giáo viên nhưng vì không thể chấp nhận một cuộc sống như vậy và vì lý do kinh tế gia đình nên chị quyết định bỏ dạy học và gia đình đồng ý chị đi lao động ở nước ngoài. Chị đi đến năm 2009 chị trở về sinh sống cùng anh H được hơn 01 năm. Nhưng trong suốt thời gian đó chị thấy anh H vẫn không thay đổi gì, chị quyết định bỏ hai con ở lại cùng ông bà ngoại và chị lại đi lao động ở nước ngoài. Nay chị về và nhận thấy hai vợ chồng đã sống ly thân hơn 10 năm, tình cảm không còn, con chị cũng đã lớn nên chị xin được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung: Nguyễn Quang V - sinh ngày 02/4/1996 và Nguyễn Anh V1 - sinh ngày 09/3/2003. Hiện nay, V đã trưởng thành.Còn cháu V1 đang ở cùng ông bà ngoại. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu V1, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cho chị. Trường hợp anh H đòi nuôi cháu V1 chị cũng đồng ý.

Về tài sản, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Dụng Hlà bị đơn trình bày:Anh và chị Đặng Thị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TDV năm 1995. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, gần như không có mâu thuẫn gì, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống. Hằng ngày anh đi làm thuê và có 01 quán kinh doanh Karaoke còn chị T làm giáo viên mầm non. Năm 2006 anh không đồng ý nhưng chị T vẫnđi xuất khẩu lao động. Sau 03 năm chị T trở về rồi lại đi lao động nước ngoài tiếp, từ đó vợ chồng mâu thuẫn. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh, quan điểm của anh tuy không còn tình cảm gì với chị T nữa và hai vợ chồng anh cũng sống ly thân nhiều năm, nhưng anh nghĩ vì các con anh, anh muốn giữ danh dự cho các con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung Nguyễn Quang V - sinh ngày 02/4/1996 và Nguyễn Anh V1 - sinh ngày 09/3/2003. Hiện nay cháu V đã trưởng thành.Cháu Anh V1 đang ở cùng ông bà ngoại. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu V1, anh yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con cho anh hàng tháng số tiền 2.000.000đồng/tháng.

Về tài sản, công nợ chung: hai vợ chồng anh chị không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết chấp nhận đơn ly hôn của chị T, chị T được ly hôn với anh H; giao con chung Nguyễn Anh V1 - sinh ngày 09/3/2003 cho anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục;ghi nhận chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho anh H hàng tháng số tiền 2.000.000đồng/tháng cho đến khi có yêu cầu hoặc thay đổi mới;chị T phải nộp án phí ly hôntheo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ- ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị T làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân huyện UH tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]Về hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Dụng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TDV ngày 13/7/1995 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh H thường xuyên uống rượu và có lần đánh chửi vợ. Đến năm 2006 mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng hơn, chị T đã đi xuất khẩu lao động, đến năm 2009 chị T trở về sống chung với anh H được hơn 01 năm, nhưng hai vợ chồng lại mâu thuẫn, anh H không đồng ý nhưng chị T vẫn tiếp tục đi lao động ở nước ngoài. Hai anh chị cũng sống ly thân cho đến nay đã hơn 10 năm, không ai quan tâm đến ai.Chị T thấy không còn tình cảm với anh H nên xin ly hôn với anh H, quan điểm anh H không còn tình cảm với chị T nhưng vì các con nên anh không đồng ý ly hôn.Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, hai vợ chồng sống ly thân đã lâu hơn 10 năm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên

xử chấp nhận đơn ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định củakhoản 1 Điều 56Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Dụng H đều xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Quang V - sinh ngày 02/4/1996 và Nguyễn Anh V1 - sinh ngày 09/3/2003. Chị T và anh H đều xác nhận cháu Nguyễn Quang V đã trưởng thành.Cháu V1 hiện đang sống cùng ông bà ngoại ở thôn DD, xã TDV, huyện UH, thành phố Hà Nội.Quá trình giải quyết chị T và anh H đều có nguyện vọng nuôi con, nhưng chị T cũng có quan điểm nếu anh H có nguyện vọng nuôi con thì chị cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Anh V1 cho anh Nguyễn Dụng H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H số tiền hàng tháng 2.000.000đồng/ tháng cho đến khi cháu Nguyễn Anh V1 trưởng thành - thành niên hoặc cho đến khi có sự thay đổi, yêu cầu, đề nghị mới.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Dụng H đều không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị T phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáotheo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vàoĐiều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1.Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Tđược ly hôn anh Nguyễn Dụng H.

2.Về con chung: Chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Dụng H có 02 con chung là Nguyễn Quang V - sinh ngày 02/4/1996 và Nguyễn Anh V1 - sinh ngày 09/3/2003; Sau ly hôn giao cháu Nguyễn Anh V1 cho anh Nguyễn Dụng H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho anh H số tiền 2.000.000đồng/thángcho đến khi cháu Văn trưởng thành - thành niên hoặc có yêu cầu, đề nghị mới hoặc có sự thay đổi khác.

Sau ly hôn chị Tcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh h□ởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi d□ỡng, giáo dục con thì ng□ời trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của ng□ời đó".

3.Về án phí: Chị Đặng Thị T phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008552ngày 09 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện UH, thành phố Hà Nội. Chị Đặng Thị T còn phải nộp 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã (phường) nơi đăng ký hộ khẩu thường trú./.

Nơi nhận: - TAND TP Hà Nội; - VKSND huyện □ng Hoà; - Chi cục THADS □ng Hoà; - UBND xã TDV; - Các đ- ơng sự; - L- u h/s; v/p./.	**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ** **Nguyễn Văn Thiện**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ